

Bài văn mẫu Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Văn 10 chi tiết nhất

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và vị trí tác phẩm đại cáo bình Ngô trong nền văn học.

- Khái quát về tư tưởng nhân nghĩa: Là tư tưởng quan trọng chủ đạo trong bài. Tư tưởng này mang tính nhân văn và có giá trị nhân đạo sâu sắc.

II. Thân bài

1. Quan niệm về tư tưởng nhân nghĩa

- Tư tưởng nhân nghĩa xuất phát từ quan niệm Nho giáo: là mối quan hệ giữa người với người dựa trên cơ sở của tình thương và đạo lí.

- Tư tưởng nhân nghĩa trong quan niệm của Nguyễn Trãi: Chắt lọc những hạt nhân cơ bản nhất, tích cực nhất của của Nho giáo để đem đến một nội dung mới đó là:

+ Yên dân: Làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, no đủ, hạnh phúc.

+ Trừ bạo: Vì nhân mà dám đứng lên diệt trừ bạo tàn, giặc xâm lược.

→ Đó là tư tưởng rất tiên bộ, tích cực và phù hợp với tinh thần của thời đại

2. Sự thể hiện của tư tưởng nhân nghĩa trong Đại cáo bình Ngô.

a. Nhân nghĩa gắn với sự khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc.

Đứng trên lập trường nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã khẳng định chủ quyền dân tộc bằng một loạt dẫn chứng đầy thuyết phục:

- Nền văn hiến lâu đời

- Lãnh thổ, bờ cõi được phân chia rõ ràng, cụ thể

- Phong tục tập quán phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc

- Có các triều đại lịch sử sánh ngang với các triều đại Trung Hoa.

→Khẳng định độc lập dân tộc là chân lí, sự thật hiển nhiên mà không ai có thể chối cãi, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc

→Đây là tiền đề cơ sở của tư tưởng nhân nghĩa bởi chỉ khi ta xác lập được chủ quyền dân tộc thì mới có những lí lẽ để thực thi những hành động “nhân nghĩa”

b. Nhân nghĩa thể hiện ở sự cảm thông, chia sẻ với nỗi thống khổ của người dân mất nước.

Đứng trên lập trường nhân bản, tác giả liệt kê hàng loạt những tội ác dã man của giặc Minh với nhân dân ta:

- Khủng bố, sát hại người dân vô tội: Nướng dân đen, vùi con đỏ,..

- Bóc lột thuế khóa, vơ vét tài nguyên, sản vật: nặng thuế khóa, nơi nơi cạm đất

- Phá hoại môi trường, sự sống: tàn hại giống côn trùng, cây cỏ,..

- Bóc lột sức lao động: Bị ép xuống biển mò ngọc, người bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,..

Top 7 bài văn mẫu lớp 10 Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo hay nhất

Các bài làm văn mẫu Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Nguyễn Trãi đã từng viết: “Bui có một lòng trung lẫn hiếu/ Mài chăng khuyết nhuộm chăng đen”, câu thơ đã cho thấy khí tiết, tấm lòng suốt một đời vì dân vì nước của ông. Nguồn gốc tạo nên tấm lòng đẹp đẽ ấy chính là tư tưởng nhân nghĩa. Tư tưởng nhân nghĩa là kim chỉ nam, chi phối toàn bộ sáng tác của Nguyễn Trãi. Bình Ngô đại cáo được viết cũng không phải nằm ngoài vòng ấy. Tư tưởng nhân nghĩa chi phối toàn bộ tác phẩm này của ông.

Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Trãi đã khẳng định:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo.

Nhân là khái niệm trung tâm của tư tưởng nho gia, nhân tức là yêu thương con người; nghĩa là những điều hợp lẽ phải, làm theo khuôn phép xử thế. Mạnh Tử đã kết hợp hai khái niệm này tạo thành “nhân nghĩa” là nguyên tắc ứng xử cơ bản trong quan hệ giữa con người với nhau, giữa con người phải yêu thương nhau. Đến Nguyễn Trãi, ông đã nâng tư tưởng lên một tầm cao mới, nhân nghĩa với Nguyễn Trãi không chỉ dừng ở hành xử yêu thương mà còn phải là làm cho nhân dân có cuộc sống yên ổn “yên dân” và cách thức hành động chính là “trừ bạo”. Trừ bạo ở đây chính là tiêu diệt quân Minh xâm lược, để đem lại cuộc sống an bình, hạnh phúc cho nhân dân. Cả đời ông luôn lo nghĩ cho dân, luôn mong nhân dân sống trong an ấm, no đủ: “Dễ có Ngu cầm đàn một tiếng/ Dân giàu đủ khắp đòi phương”, ông lo cho dân bằng tất cả tấm lòng, tình yêu thương bao la. Đây là tư tưởng vô cùng tiên bộ và cho đến ngày nay nó vẫn còn giữ nguyên giá trị. Câu luận đề này chính là sợi dây đỏ để Nguyễn Trãi triển khai toàn bộ tác phẩm của mình.

Để làm nổi bật tư tưởng nhân nghĩa, Nguyễn Trãi đã lật mở những trang sử hào hùng trong quá khứ của dân tộc để thấy được thất bại thảm hại của những kẻ luôn mang tư tưởng xâm lược nước khác, giọng văn ở đây thật hào sảng:

Lưu Cung tham công nên thất bại,

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã.

Không chỉ ở quá khứ, mà ngay cả ở thời điểm hiện tại, quân Minh đã gây ra biết bao tội ác cho nhân ta: “Người bị bắt xuống biển mò ngọc, ngán thay cá mập, thường luồng/ Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khôn nổi rừng thiêng nước độc”.Tội ác của chúng “Bại nhân nghĩa nát cả đất trời” khiến cho “Lẽ nào trời đất dung tha/ Ai bảo thần dân chịu được?”. Đọc những câu thơ ta như cảm nhận được hết nỗi đau khổ, tủi nhục mà nhân dân đã phải chịu đựng suốt bao năm qua và càng cảm tức hơn những tội ác của quân Minh đối với người dân vô tội.

Chính bởi tội ác khiến cả trời đất không dung tha như vậy nên Lê Lợi đã phát cò, đứng lên khởi nghĩa, giành lại độc lập cho dân tộc: “Trời thử lòng trao cho mệnh lớn/ Ta gắng chí khắc phục gian lao”. Chính Lê Lợi đã hiện thực hóa tư tưởng nhân nghĩa, tiêu diệt kẻ cường bạo để đem lại cuộc sống bình yên cho muôn dân: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo”. Sau bao năm tháng nếm mật, nằm gai, nghĩa quân trải qua biết bao thử thách, cuối cùng ngày một lớn

manh, nhận được sự ủng hộ của muôn dân: “Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ pháp phối/ Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”. Toàn dân đoàn kết một lòng đem hết sức mạnh thể chất và tinh thần chống lại bọn cuồng Minh. Bởi đây là cuộc kháng chiến chính nghĩa nên thế và lực của ta ngày một cải thiện, từ thế bị động, yếu ớt ta chuyển sang thế chủ động, liên tục tấn công như vũ bão, giáng những đòn mạnh mẽ làm kẻ thù không kịp trở tay: “Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía/ Lí An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân”. Quân ta đi đến đâu chiến thắng đến đó, uy lực và sức mạnh không gì có thể sánh nổi: “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn/.../Đánh hai trận tan tác chim muông”. Trái lại, kẻ thù lộ diện là những kẻ ham sống sợ chết, khi thất bại kẻ đầu hàng, kẻ dầy xéo lên nhau hòng thoát thân: “lê gói dâng tờ tạ tội” “trời tay để tự xin hàng”. Nguyễn Trãi liệt kê hàng loạt thất bại thảm hại của kẻ thù với câu văn giàu hình ảnh: thây chất đầy đường, máu trôi đỏ nước, khiếp vía mà vỡ mật, xéo lên nhau chạy để thoát thân,... Biện pháp liệt kê đã tỏ ra vô cùng đặc dụng, giọng văn hào hùng, sáng khoái, Nguyễn Trãi đã lên tiếng khẳng định lại một lần nữa sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa, tư tưởng ấy đã đem lại chiến thắng vẻ vang cho dân tộc ta.

Tư tưởng nhân nghĩa còn được thể hiện trong cách đối đãi với kẻ thù. Mặc dù giặc Minh gây ra những tội ác tày trời với nhân dân ta, nhưng khi chúng bại trận, thua thảm hại, cầu hòa, quân ta lập tức đồng ý: Họ đã tham sống sợ chết, mà hòa hiếu thực lòng/ Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. Đây là hành động đối xử hết sức nhân văn, nhân bản với kẻ thù, cho chúng một con đường sống, cấp vài nghìn thuyền cho chúng về nước. Cách làm này vừa khiến chúng thua trong tâm phục khẩu phục, vừa tạo điều kiện cho nhân dân ta nghỉ ngơi, dưỡng sức sau những năm dài gian lao chiến đấu, đồng thời đây cũng là cơ hội để triều đình mới xây dựng đất nước vững mạnh cả về kinh tế và quân sự. Quả là “Chẳng những mưu kế kì diệu/ Cũng là chưa thấy xưa nay”.

Chiến công oanh liệt được kết thúc bằng lời tuyên bố đầy khí thế, hào hùng: “Xã tắc từ đây vững bền/ Giang sơn từ đây đổi mới/ Kiền khôn bĩ rồi lại thái/ Nhật nguyệt hối rồi lại minh”. Tư tưởng nhân nghĩa đã đem lại sức mạnh vô biên cho quân dân ta, giúp dân ta giành được thắng lợi vẻ vang, không chỉ giành lại độc lập cho dân tộc mà còn cho thấy tư thế, tầm vóc của một dân tộc luôn sống và đề cao đạo lý nhân nghĩa.

Với ngòi bút chính luận sắc sảo, lập luận sắc bén hùng hồn, dẫn chứng phong phú thuyết phục, Nguyễn Trãi đã tạo nên một áng thiên cổ hùng văn cho muôn đời. Giá trị của áng thiên cổ ấy chính là tư tưởng nhân nghĩa sáng ngời cho đến mãi muôn đời sau.

Văn mẫu lớp 10 Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo mẫu 2

Năm 1428, đất nước ta sạch bóng quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi thay lời nhà vua để viết nên Bình Ngô đại cáo đọc trong lễ tuyên bố kết thúc chiến tranh, nước Đại Việt từ nay bước sang giai đoạn bốn phương biển cả thái bình.

Điều làm nên giá trị nội dung bất hủ của tác phẩm chính là tư tưởng nhân nghĩa truyền thống đã được Nguyễn Trãi đúc kết như một chân lí ngay trong hai câu mở đầu.

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo

Tư tưởng ấy, chân lí ấy là nền tảng của mọi suy nghĩ, hành động, chiến lược, chiến thuật và quyết tâm chiến đấu, chiến thắng của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược phương Bắc. Hơn ai hết, Nguyễn Trãi thấm nhuần quan điểm tiến bộ của Nho giáo, coi dân là gốc (dân vi bản), ý dân là ý Trời. Ông cho rằng, bất cứ triều đại nào muốn tồn tại dài lâu và vững mạnh đều phải dựa vào dân, đặt mục đích yên dân lên hàng đầu bởi dân có yên thì nước mới thịnh.

Từ triết lí nhân nghĩa thủy chung, Nguyễn Trãi đã cụ thể hóa nó một cách rõ ràng và dễ hiểu. Yên dân là mọi đường chính sách của triều đình phải phù hợp với ý nguyện của dân, không ngoài việc làm cho dân được sống trong cảnh thanh bình, ấm no, hạnh phúc: để cho chốn hang cùng ngõ vắng không còn tiếng hờn khóc, oán sầu.

Muốn cho nhân dân có được cuộc sống tốt đẹp như vậy thì điều đương nhiên là phải lo trừ bạo, có nghĩa là diệt trừ tất cả các thế lực tham lam, bạo ngược làm tổn hại đến quyền lợi của dân lành. Yên dân, trừ bạo là hai vế có liên quan chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau để tạo nên tính hoàn chỉnh của tư tưởng nhân nghĩa bao trùm và xuyên suốt cuộc kháng chiến giữ nước vĩ đại lúc bấy giờ.

Khi Lê Lợi phát cao cờ khởi nghĩa chống quân xâm lược nhà Minh thì tư tưởng nhân nghĩa đã được biến thành hành động cụ thể và thiết thực là đánh đuổi giặc thù ra khỏi bờ cõi để cứu dân khỏi cơn binh đao, tang tóc. Ông viện dẫn chứng cứ lịch sử để khẳng định rằng những kẻ cố tình đi ngược lại đạo lí nhân nghĩa cuối cùng đều chuốc lấy tai họa:

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong.

Gần mười năm qua, quân cuồng Minh đáng khinh bỉ và ghê tởm đã gây ra biết bao tội ác trời không dung, đất không tha trên đất nước này:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Dối trời, lừa dân đủ muôn nghìn kế,

Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm.

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,

Nặng thuế khóa sạch không đầm núi...

Có nghĩa là chúng đã ngu ngược xúc phạm đến đạo lí nhân nghĩa của đất trời và lòng người. Tội ác của chúng tất sẽ bị trừng trị đích đáng và đương nhiên là chúng tự chuốc lấy thảm họa vào thân.

Trước những tội ác chồng chất của giặc như vậy, chúng ta chỉ có một con đường là đánh đuổi chúng ra khỏi bờ cõi để trừ bạo, yên dân. Xót xa cho cảnh nước mất nhà tan, Lê Lợi - người anh hùng áo vải đất Lam Sơn đã phát cờ khởi nghĩa:

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,

Ta gắng chí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.

Sức mạnh của cuộc kháng chiến chống quân Minh được nhân lên gấp bội bởi tính chất chính nghĩa và mục đích cao cả của nó: Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo. Tinh thần đoàn kết son sắt tạo ra những chiến lược, chiến thuật thần kì: lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều, xoay chuyển tình thế từ bị động sang chủ động tiến công như vũ bão, giáng trả quân thù những đòn sấm vang chớp giật, trúc chẻ tro bay, lập nên chiến công hiển hách:

Sĩ khí đã hăng, Quân thanh càng mạnh

Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.

Quân thù bị đẩy vào tình thế khốn đốn, cùng đường:

Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm

Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ đê ngàn năm.

Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt.

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp.

Quân giặc các thành khốn đốn, cớ giúp ra hàng

Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng.

Liệt kê những chiến công vang dội liên tiếp của quân dân ta cũng như tô đậm tư thế đê hèn của quân xâm lược lúc thảm bại bằng giọng văn hào hùng sảng khoái, Nguyễn Trãi vẫn nhằm mục đích khẳng định hùng hồn sức mạnh vô địch của tư tưởng nhân nghĩa và truyền thống nhân nghĩa tốt đẹp của dân tộc Việt. Thực tế đã chứng minh điều đó bằng thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Kết thúc bài cáo là khúc khải hoàn ca của tư tưởng Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, Lấy chí nhân để thay cường bạo. Một lần nữa, dân tộc Việt: ngẩng cao đầu chiến thắng, rộng lòng tha chết cho những kẻ bạo nghịch đã: quỳ gối đầu hàng: Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu linh. Lại chu cấp cho chúng nào thuyền, nào ngựa để trở về cố quốc. Cái uy, cái dũng, cái nhân trong đạo lí truyền thống nhân nghĩa Việt Nam một lần nữa khiến kẻ thù khiếp sợ, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.

Lời tuyên cáo của vua Lê vẫn vang mãi ngàn năm trên đất nước này:

Xã tác từ đây vũng bèn,

.....

Ai nấy đều hay.

Chiến công oanh liệt của cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại chống quân xâm lược nhà Minh đã tô đậm thêm lịch sử vẻ vang của dân tộc và cũng là dẫn chứng hùng hồn chứng minh cho sức mạnh vô biên của tư tưởng nhân nghĩa Việt Nam.

Với ngòi bút chính luận sắc sảo tuyệt vời cùng tài năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, hình ảnh sinh động, giàu sức biểu cảm. Nguyễn Trãi đã viết nên một áng thiên cổ hùng văn có một không hai trong lịch sử văn học nước nhà. Thông qua bài

Bình Ngô đại cáo. Nguyễn Trãi khẳng định chắc chắn rằng tư tưởng nhân nghĩa chính là cội nguồn hiền hách trong lịch sử giữ nước suốt mấy ngàn năm.

Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Văn 10 hay nhất mẫu 3

Năm 1407, giặc Minh xâm lược nước ta khiến dân chúng khổ sở, cuộc sống đảo lộn. Lê Lợi đã cùng 18 tướng lĩnh dấy cờ khởi nghĩa. Trong đó, Nguyễn Trãi là một tài năng xuất chúng trong hàng ngũ dũng tướng. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Một năm sau đó, phụng sự Lê Lợi, Nguyễn Trãi viết “Bình Ngô đại cáo”. Tác phẩm đã đứng trên lập trường chính nghĩa để lấy làm tư tưởng xuyên suốt. Tư tưởng nhân nghĩa là vấn đề được đề cập tới đầu tiên khi nhắc tới giá trị của tác phẩm.

Tư tưởng nhân nghĩa là một truyền thống đạo lý tốt đẹp của nhân dân ta. Trong quan niệm truyền thống, tư tưởng nhân nghĩa được biểu hiện ở tình thương giữa con người với con người, nhấn mạnh ở lòng trung thành với vua. Còn đối với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa là để yên dân, là bảo vệ hạnh phúc cho nhân dân. Hạnh phúc lớn nhất của dân là được sống trong môi trường hòa bình, yên ổn làm ăn, không lâm vào cảnh chết chóc, đau thương. Nhân nghĩa không phải là thương người một cách chung chung mà thông qua hành động đó là “trừ bạo” để “an dân”.

Trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo”, tư tưởng nhân nghĩa được thể hiện trước hết ở việc Nguyễn Trãi gắn nhân nghĩa với bảo vệ chủ quyền đất nước, khẳng định chủ quyền quốc gia, tinh thần độc lập dân tộc.

“N như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác;

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương;

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,

Song hào kiệt thời nào cũng có.”

Đoạn thơ đã khẳng định niềm tự hào tự tôn dân tộc và ý thức về đất nước chủ quyền dân tộc khi nhấn mạnh đất nước phải có lịch sử, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục riêng và có những cái tên hào kiệt riêng. Ngay khi thể hiện ý thức về nhân dân, ý thức về đất nước đã cho thấy lòng yêu nước lòng tự hào dân tộc lớn lao của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi quả là một nhà tư tưởng tiến bộ.

Truyền thống nhân nghĩa còn gắn với truyền thống yêu sự chính trực, ghét sự gian tà, căm thù sâu sắc bọn bán nước và cướp nước.

“Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Đề trong nước lòng dân oán hận

Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ

Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh”

Đoạn thơ này đã vạch bộ mặt gian tà, hiểm ác, xảo trá của giặc Minh, chỉ ra tội ác của bọn chúng. Lòng căm thù giặc sâu sắc thể hiện trong việc tác giả vạch mặt tố cáo tội ác “trời không dung đất không tha”

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”

Nguyễn Trãi sử dụng những từ ngữ biểu cảm, gợi hình gợi cảm như “nướng”, “vùi”, “dân đen”, “con đỏ”... Nhân nghĩa còn là sự sẻ chia đồng cảm cảm thông với nỗi đau của người dân mất nước:

“Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng.

Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.

Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,

Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.”

Tư tưởng nhân nghĩa trong suy nghĩ của Nguyễn Trãi là tinh thần yêu chuộng hòa bình, công lý, sự hiếu sinh, hiếu hòa, độ lượng bao dung. Dân tộc ta đã mở đường hiếu sinh cho kẻ thù khi chúng bại vong

“Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng

Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh

Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế kì diệu

Cũng là chưa thấy xưa nay”

Tóm lại, tư tưởng nhân nghĩa là tư tưởng bao trùm và xuyên suốt trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” cũng là tinh thần của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Qua đó, Nguyễn Trãi thể hiện tinh thần nhân bản và giá trị nhân văn sâu sắc. Tư tưởng nhân nghĩa cũng chính là kim chỉ nam cho đường lối chính trị và quân sự của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Từ tư tưởng đó, Lê Lợi giương cao ngọn cờ chính nghĩa hiệu triệu quần chúng tham gia khởi nghĩa chống Minh, góp phần to lớn cho cuộc khởi nghĩa chiến thắng hoàn toàn.

Bài văn mẫu lớp 10 Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo mẫu 4

Vua Lê Thánh tông đã từng đề cao: Ước Trai lòng sáng tựa sao khuê và ngày nay, nhà thơ Hoàng Trung Thông đã đánh giá: Nguyễn Trãi là tinh hoa của dân tộc qua bao thời đại kết hợp lại. Trong suốt bao năm qua, Nguyễn Trãi được nhớ tới như một nhà văn, nhà thơ vĩ đại của non sông Việt Nam, một nhà tư tưởng, một nhà chính trị đại tài của dân tộc Việt Nam thế kỉ XV. Tuy gặp nhiều oan khuất và bị kịch, suốt cả cuộc đời tận tụy cống hiến của Nguyễn Trãi được bao trùm bởi một tư tưởng vĩ đại: tư tưởng nhân nghĩa, mà qua thơ văn ông, chúng ta có thể thấy điều đó. Bình Ngô đại cáo là một trong số các tác phẩm thấm nhuần tư tưởng nhân nghĩa này.

Tư tưởng nhân nghĩa cao đẹp được thấm nhuần xuyên suốt qua từ câu đầu tiên:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân.

Quân điều phạt trước lo trừ bạo.

Tư tưởng nhân nghĩa đã được khẳng định ngay từ đầu tác phẩm. Nguyễn Trãi đã viết tự đáy lòng ông, chứ không chỉ như được từng nghe suông. Chính ông đã coi việc nhân nghĩa cốt ở yên dân như mục tiêu phấn đấu cao nhất của đời mình. Cả cuộc đời ông đã dành trọn cho những công việc nhân nghĩa, ta có thể coi đó là lí tưởng của ông. Một lí tưởng cao quý. Với đạo đức nho giáo ngày xưa, nhân nghĩa là một điều mà con người ai cũng phải có, và thể hiện bằng cách xử sự đối đãi tốt đẹp với người khác.

Ở Nguyễn Trãi, nhân nghĩa đã được nâng lên một tầm cao hơn hẳn, và mở rộng hơn nữa: đó là lo cho dân, giúp cho dân – dân ở đây nói với nghĩa bao trùm tất cả thiên hạ, ta có thể thấy lòng Nguyễn Trãi bao la và suy nghĩ của ông thật rộng lớn. Với tư cách một vị quan và trên phương diện thay lời Vua để viết lời tuyên cáo chiến thắng, Nguyễn Trãi đã khẳng định nhân nghĩa là yên dân tức là làm cho dân được yên ổn làm ăn, ấm no hạnh phúc trong an bình. Vì thế, quân điếu phạt trước lo trừ bạo, phải dẹp tan giặc giã hung tàn để cho yên dân. Ông thương dân và lo cho dân với tất cả tấm lòng mình, không phải để ban ơn cho dân mà là đền ơn dân như ông từng nghĩ ăn lộc, đền ơn kẻ cấy cày. Đó là một suy nghĩ hết sức tiến bộ và đáng quý biết bao trong thời đại lúc bấy giờ, mà qua bao thời gian, đến ngày nay vẫn vô cùng giá trị.

Trong suốt toàn bài Cáo bình Ngô, ngòi bút của Nguyễn Trãi đã tỏ rõ lòng ưu ái đối với dân. Vì thương dân, ông đã xót xa trước những thảm cảnh mà quân cuồng Minh thừa cơ gây họa do bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Chúng đã:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Cũng từng chứng kiến sự tan cửa nát nhà, sự man rợ của bọn cuồng Minh sát hại người vô số, nên Nguyễn Trãi đã hiểu rõ lòng thương cảm và căm giận thay khi những người dân đang gặp cảnh chiến tranh khốc liệt. Những dân đen, con đỏ là những người ở tầng lớp khốn khổ nhất xã hội, những người chuyên đi cày cấy, đi ở, đi làm thuê xuất hiện dưới ngòi bút Nguyễn Trãi cùng tình cảm của ông. Sự quan tâm này thật không dễ gì có được ở những người vốn làm quan lại như ông, vì thế đây là điều rất tốt đẹp của tư tưởng Nguyễn Trãi.

Càng thương dân, ông càng căm giận quân xâm lược. Đoạn kể tội giặc của ông với những hình ảnh cụ thể trong bài Cáo bình Ngô đầy nước mắt đồng cảm thương xót cho nhân dân, cho quê hương cho cây cỏ núi sông, đồng thời nguyền ng咒 lòng căm thù, tức giận đối với kẻ ngoại xâm và bán nước.

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời

Nặng thuế khóa sạch không đầm núi

Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc...

Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ

Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.

Nặng nề những nỗi phu phen

Tan tác cả nghề canh cửi.

Trước tội ác đến độ

Trúc Nam Sơn không ghi hết tội

Nước Đông Hải không rửa sạch mùi

Lẽ nào trời đất dung tha,

Ai bảo thần dân chịu được?...

Ngẫm thù lớn há đội trời chung

Căm giặc nước thề không cùng sống.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã mách bảo ông rằng, đã đến lúc trừ bạo để yên dân. Tâm trạng của ông, cũng là của Lê Lợi canh cánh suốt ngày đêm nỗi lo làm sao đánh giặc, cứu dân thoát cơn nguy biến và giành lại độc lập cho giang sơn. Tư tưởng nhân nghĩa ở đây xét đến cùng là lòng yêu nước thương dân. Lòng yêu nước, thương dân vĩ đại ấy đã khiến Nguyễn Trãi cũng như Lê Lợi: đau lòng nhức óc, nếm mật nằm gai suốt mười mấy năm trời. Bài cáo toát lên một tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc khi nhắc lại lịch sử:

Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu...

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần, bao đời gây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Đến khi chiến thắng giặc Minh, một lần nữa, tư tưởng nhân nghĩa – tấm lòng thanh cao của Úc Trai càng cao vời vợi. Ông thương dân, mong muốn sớm yên bình cho quân dân nên ông đã lấy toàn dân là hơn, để nhân dân nghỉ sức. Đối với vị chủ tướng như ông, chiến thắng không phải tất cả, nếu nhân dân cần cuộc sống ấm no thì ta cho họ, ta cũng không nên vì lợi lộc mà quên đi mục đích ban đầu.

Hơn thế nữa, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn đối với những kẻ đã gây họa cho nước Đại Việt. Theo ông, binh đao khói lửa chỉ là chuyện bất đắc dĩ, vì làm hao tổn sinh mạng, ông luôn mưu phạt tâm công, dùng áng văn chính luận có sức mạnh hơn 10 binh để tránh đổ máu mà thu phục được lòng người. Với quân tướng bại trận của giặc, ông đã tha bổng và giúp cho về nước, không giết hại: thể lòng trời, ta mở đường hiếu sinh để giữ vẹn hòa hiếu. Ta thấy Nguyễn Trãi quả là một con người nhân nghĩa, với tấm lòng nhân hậu, bác ái và thanh cao tuyệt vời!

Trong tác phẩm Cáo bình Ngô của Nguyễn Trãi, tư tưởng nhân nghĩa dường như hòa quyện trong từng lời từng ý, tỏa ra dưới ngòi bút sắc bén của ông. Nguyễn Trãi đã là một nhà thơ tư tưởng lớn biết chọn cho mình lí tưởng đẹp đẽ và cao quý như vậy. Ông đã nguyện dành hết tất cả tài đức, khả năng của mình cho việc nhân nghĩa, để trợ dân. Vì thế, sau khi về ở ẩn, khi vua mời ra làm quan, ông đã sẵn sàng ra ngay không nề hà.

Tâm hồn Nguyễn Trãi đong đầy nhân nghĩa, rất thanh cao và trong sáng, có thể coi như một viên ngọc quý. Tên tuổi ông là một dấu son lớn trong trang sử danh nhân Việt Nam. Tư tưởng nhân nghĩa của ông vượt thời gian - qua bao thế kỉ, bao triều đại, và vượt cả không gian - vang danh trên thế giới, ý nghĩa rộng lớn không biên giới của lòng nhân nghĩa ấy để trở thành một tư tưởng vĩ đại của loài người.

Chúng ta kính trọng Nguyễn Trãi với tư tưởng nhân nghĩa quý báu đã góp phần lớn lao cho lịch sử dân tộc, lại càng thương thay cho cuộc đời lăm éo le, oan khuất của ông. Nguyên nhân cũng chính vì những kẻ xấu không chịu nổi tư tưởng của ông quá tiến bộ, con người ông quá trong sạch và tốt đẹp, vì sự trung thực của một con người nhân nghĩa - Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi đã được mọi người đời sau thương mến kính trọng vì tư tưởng và hành động (rất nhân nghĩa) của ông. Chúng ta tin rằng, chúng ta sẽ thực hiện được những điều có ích cho dân, cho nước, như Nguyễn Trãi – tổ tiên chúng ta đã từng theo đuổi – và sẽ có nhiều tấm gương sáng noi theo ông – ngôi sao khuê sáng mãi trên bầu trời Đại Việt.

Văn mẫu Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Văn 10 mẫu 5

“Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi được xem là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước Nam, sau bài “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt. Đọc những câu thơ hùng hồn, hào sảng, chúng ta sẽ nhận ra tư tưởng nhân nghĩa là tư tưởng xuyên suốt bài cáo. Nó làm nền cho những tư tưởng khác và làm nên sự thành công của bài cáo.

Tư tưởng nhân nghĩa không phải là tư tưởng quá lạ đối với nước Nam. Đây là tư tưởng đã được Nho giáo nhắc đến rất nhiều. Tuy nhiên với nho giáo thì nhân nghĩa chính là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Nhưng đến Nguyễn Trãi thì quan điểm nhân nghĩa của ông không phải bao hàm nội dung rộng như vậy. Đối với ông – nhà lãnh đạo tài ba thì nhân nghĩa chính là “yên dân”:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo

Với hai câu thơ trên đã khái quát được tư tưởng nhân nghĩa lớn lao của Nguyễn Trãi đối với dân với nước. Ông không suy nghĩ sâu xa, không như Khổng Tử. Đối với ông nhân nghĩa thực ra là khái niệm rất gần gũi với đời thường. Để có đất nước thống nhất hòa thuận, trước hết cần phải “yên dân”. Khi dân được yên, được sống trong ấm no hạnh phúc thì tất thấy đất nước đó sẽ phát triển như một quy luật. Đây là một tư tưởng rất hiện đại, mà sau này Hồ Chí Minh đã thừa kế và phát huy “Lấy dân làm gốc”.

Có thể thấy Nguyễn Trãi đã coi "dân" chính là trụ cột của một quốc gia, người chèo thuyền cũng là dân và người lật thuyền cũng là dân. Tư tưởng này giản dị nhưng lại có ý nghĩa sâu sắc. Trong những cuộc kháng chiến thì nhân dân đóng vai trò quan trọng đối với sự thắng bại của cuộc chiến đó. Nếu dân mạnh, lòng dân yên thì ắt hẳn sẽ đánh bay hết sự tàn bạo của quân thù.

Nguyễn Trãi xem những hành động tàn bạo, man rợ của các nước chư hầu cuối cùng sẽ bị trừng phạt thích đáng. Nguyễn Trãi không có tư tưởng cầu hòa, nhân nhượng hay thỏa hiệp mà nhất định phải dùng lòng dân và sức dân:

Đem đại nghĩa thắng hung tàn

Lấy chí nhân thay cường bạo

Đối với ông thì việc nghĩa luôn chiến thắng việc gian ác và những kẻ xảo quyệt sẽ bị đền tội. Với giọng văn hùng hồn, quyết liệt, ông đã thuyết phục được người đọc về thuyết nhân nghĩa thời bấy giờ, còn có ảnh hưởng cho đến ngày nay.

Nếu như trước đây Lý Thường Kiệt nêu ra định nghĩa về độc lập là việc khẳng định chủ quyền thì sang Nguyễn Trãi, ông đã hùng hồn:

"Nhu nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Từ Triệu Đinh Lý Trần bao đời gây nền độc lập

Cùng Hán Đường Tống Nguyên mỗi bên xưng đế một phương"

"Văn hiến" của nước Nam là do nhân dân Việt Nam xây dựng, trải qua thăng trầm, sự tàn khốc và mất mát của chiến tranh mới có được. Tư tưởng ấy rất thiết thực và phù hợp đối với hoàn cảnh của đất nước ta.

Sức mạnh của nhân nghĩa đã tạo nên những chiến thắng vang dội núi sông:

Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu.

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh bại trận tử vong

Với những chiến thắng vang dội, oanh liệt đó chính là nhờ sự đoàn kết, lấy ít địch nhiều của nhân dân ta. Không phải dân tộc nào cũng có thể làm được như vậy, dân tộc ta là dân tộc lấy dân làm gốc, mọi việc do dân và làm vì dân.

Tư tưởng nhân nghĩa không chỉ được thể hiện ở ý chí cũng như sự đoàn kết của nhân dân mà còn thể hiện thái độ đối với quân Trung Quốc khi thất thủ. Quân và dân ta không giết hại mà còn dành cho "đường hiếu sinh". Chỉ với những hành động đó đã đủ thấy được tinh thần nhân nghĩa, không triệt đường của kẻ khác thật đáng ngưỡng mộ.

Chính tư tưởng nhân nghĩa mang đậm nhân đạo đó đã giúp cho đất nước ta được tự do, độc lập, thoát khỏi ách nô lệ 4000 năm lịch sử:

Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới

Một lời khẳng định chắc nịch, như một hồi chuông vang lên để cho mọi người trên thế giới này biết được rằng đất nước Việt Nam đã có chủ quyền, đã thực sự hòa bình và thống nhất.

Cho đến bây giờ, khi đã trải qua bao nhiêu thăng trầm và biến cố nhưng tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi vẫn còn giữ nguyên giá trị. Nó giúp cho đất nước ta có được nhiều thành tựu vang dội như hiện nay. Gấp trang sách lại nhưng còn vang vọng đâu đây tư tưởng nhân nghĩa, nhân đạo của ông.

Bài làm văn mẫu 10 Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo mẫu 6

Nguyễn Trãi là một đại anh hùng của dân tộc là danh nhân văn hóa của thế giới cũng là một nhân vật toàn tài chịu nhiều oan khuất trong lịch sử xã hội Việt Nam. Ông cũng được coi là nhà văn chính luận kiệt xuất của dân tộc ta. Nguyễn Trãi là một tác giả xuất sắc về nhiều thể loại văn học kể cả chữ Nôm và chữ Hán. Ông để lại một khối lượng tác phẩm có giá trị cao và quy mô lớn.

Trong số đó tác phẩm “Bình ngô đại cáo” là một tác phẩm kiệt xuất của ông. Bìa thơ là khúc tráng ca ca ngợi cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn. Hơn thế, tác phẩm đã trở thành áng “Thiên cổ hùng văn” muôn đời bất hủ, là bản tuyên ngôn đanh thép, hùng hồn về nền độc lập và vị thế dân tộc. Và điểm cốt lõi mà “Bình Ngô đại cáo” thể hiện ở cả hai tư cách ấy chính là lý tưởng “nhân nghĩa” mà nhân dân ta mãi mãi ngợi ca và hướng tới.

Mở đầu tác phẩm Nguyễn Trãi nêu lên một luận điểm về nguyên lí nhân nghĩa: “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” Tư tưởng về nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trước hết chính là “yên dân”. Dùng nhân dân với cái nhân nghĩa để đi đánh giặc ngoại xâm đem lại bình yên ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Dùng quân nhân nghĩa để đánh quân xâm lược trước hết là để an dân để yên dân, Nhân nghĩa là tinh thần vì dân yên dân là chính nghĩa của nhân dân mang bản sắc dân tộc.

Nhân nghĩa ở đây chính là để cứu dân để trừ bạo. Như vậy có nghĩa là “Việc nhân nghĩa”, hành động nhân nghĩa không phải một cái gì trừu tượng, chung chung, mà nó biểu hiện bằng “Việc” cụ thể, là chống quân xâm lược để giữ yên bờ cõi, tiêu diệt các cuộc phản nghịch chống triều đình để xây dựng xã hội “vua sáng, tôi hiền”. Việc ấy phải được giao phó cho quân đội. Câu thơ tiếp theo làm tô đậm khẳng định thêm ý câu thơ trước đó: “quân điếu phạt trước lo trừ bạo” Nguyễn Trãi đã coi việc an dân yên dân là mục tiêu của nhân nghĩa còn “trừ bạo là đối tượng phương tiện của nhân nghĩa.

Như vậy người nhân nghĩa phải lo trừ bạo tức là lo dẹp quân cướp nước. Dùng nhân nghĩa để đối xử với kẻ bại trận xoa dịu hận thù để không gây hậu quả về sau cũng chính là nhân nghĩa đối với nhân dân. Có thể nói tư tưởng ấy vừa cụ thể lại chỉ ra điểm cốt lõi điểm cơ bản nhất. Ta nhìn vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thì có lẽ tư tưởng nhân nghĩa ấy được đề cao hơn bao giờ hết:

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”

Người nhân nghĩa phải lo trừ “bạo”, tức lo diệt quân cướp nước. Người nhân nghĩa phải đấu tranh sao cho “hợp trời, thuận người”, nên có thể lấy “yếu chống mạnh”, lấy “ít địch nhiều”, lấy “đại nghĩa thắng hung tàn”, lấy “chí nhân thay cường bạo”. Nhân nghĩa là cần phải đấu tranh để cho dân tộc Việt Nam tồn tại và phát triển. Nhân nghĩa giống như là một phép lạ, làm cho “càn khôn đã bĩ mà lại thái, trời trắng đã mờ mà lại trong”.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, vì vậy, mang đậm sắc thái của tinh thần yêu nước truyền thống của người Việt Nam. Ở đây, có thể thấy rõ tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã vượt lên trên tư tưởng nhân nghĩa của các thánh nhân trước đây và có sự sáng tạo, phát triển trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Tư tưởng nhân nghĩa ấy còn được nhắc đến là lòng thương dân tin tưởng nhân dân biết ơn nhân dân. Dân chúng luôn được ông nhắc đến trong chiến tranh và trong thời kì hòa bình đất nước độc lập.

Ông nhận thức rất rõ mọi sản phẩm mà mình đang dùng đều được lấy từ nhân dân. Nhân dân sản xuất ra mọi của cải vật chất, nhân dân làm ra lúa gạo quần áo làm ra cung điện nguy nga và nhân dân đã nuôi sống ông. Sống gần dân thương dân thương dân, lúc nào ông cũng chỉ nghĩ cho nhân dân trước tiên tất cả là vì nhân dân vì cuộc sống yên ổn của nhân dân.

Chính vì thế mà ta thấy ngay từ câu đầu tiên của bài cáo ông đã nhắc đến nhân dân. Bởi mọi hoạt động lớn nhất của quốc gia cũng chỉ nhằm một mục đích duy nhất đó là đem lại cuộc sống an nhàn cho nhân dân. Suốt cuộc đời ông sống gần dân nên ông đã thấy được những đức tính cao đẹp của nhân dân và hiểu được những mong muốn của nhân dân. Tư tưởng nhân nghĩa ấy như đã được nói ở trên đó còn là lòng bao dung với kẻ thù.

Tư tưởng ấy đã được Nguyễn Trãi thể hiện trong khởi nghĩa Lam Sơn và có thể nói chính tư tưởng ấy cùng với tài mưu lược quyết đoán của ông chính là nguyên nhân dẫn tới chiến thắng quân Minh của nhân dân ta. Ta kết hợp giữa sức mạnh của quân đội với những lí lẽ thu phục quân giặc làm hạn chế máu rơi và thiệt hại về

quân sĩ. Đó chính là nhân nghĩa. Tư tưởng nhân nghĩa ấy còn được thể hiện ở sự khoan dung khi kẻ thù đã bại trận.

Nó thể hiện đức hiếu sinh của dân tộc Việt Nam nói chung cũng chính là tấm lòng bao dung của Nguyễn Trãi trong khi đối phó với quân địch trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Ta đánh địch bằng sức mạnh bằng ý chí sự căm thù quân giặc khi đã đem quân sang định cướp nước ta. Nhưng khi giặc đã bại trận ta cũng không nên trút sự căm giận đó thể tàn sát khiến cảnh máu chảy đầu rơi xảy ra. Ta chiến đấu cốt chỉ để lấy lại đất đai để toàn vẹn lãnh thổ đó chính là mục tiêu cuối cùng.

Vậy cho nên khi đã thắng trận ta cũng không tàn sát mà để cho bọn chúng một con đường lui để chúng được quay về đoàn tụ với gia đình người thân. Điều đó cũng sẽ khiến cho dân tộc ta được tôn trọng được coi trọng và biết ơn. Việc làm này cũng khiến cho quân Minh e dè mà không dám quay lại nước ta tấn công nữa.

Chiến lược đánh giặc cứu nước, cứu dân, “mở nền thái bình muôn thuở” bằng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã có ý nghĩa rất to lớn cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn đấu tranh cứu nước và dựng nước của dân tộc ta. Nguyễn Trãi và Lê Lợi, cùng với quân dân Đại Việt đã kiên quyết thi hành một đường lối kết thúc chiến tranh rất sáng tạo, rất nhân nghĩa: “nghĩ kế nước nhà trường cửu, tha cho mười vạn hùng binh.

Gây lại hòa hảo cho hai nước, dập tắt chiến tranh cho muôn đời”. Đó thật sự là tư tưởng lớn của một con người có tài “kinh bang tế thế” và là một tư tưởng có sức sống “vang đến muôn đời”. Ta cũng có thể nói thêm về tài chiến lược của Nguyễn Trãi còn được thể hiện ở chỗ cầu người hiền tài giúp nước giúp dân. Nguyễn Trãi đã quan niệm rằng người hiền tài càng nhiều thì xã tắc mới càng được hưng thịnh nhân dân mới được ấm no hạnh phúc mới có thể đánh đuổi quân giặc không dám quay lại chiến đánh trên đất nước ta thêm một lần nào nữa.

Bình Ngô đại cáo xét về mặt tư tưởng thì đây là tác phẩm nổi bật về chủ nghĩa nhân đạo, minh chứng hùng hồn cho cuộc chiến thắng của nhân dân ta chống giặc Minh. Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi tiềm ẩn như mỏ quặng quý mà ta phải khai thác, đào sâu, nhưng nổi lên bề mặt lộ thiên của nó chính là chủ nghĩa yêu nước, là tình cảm thương dân. Vì yêu nước thương dân mà Nguyễn Trãi có những quan niệm tiên bộ về bản chất và mục đích của đội quân nhân nghĩa, về Tổ quốc và “Bốn phương biển cả thanh bình”.

Vì yêu thương dân mà trong Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi tố cáo tội ác quân Minh đánh thếp trong cuộc chiến tranh vệ quốc trở thành một tác phẩm còn lại mãi với thời gian. Tư tưởng nhân nghĩa trong “bình ngô đại cáo không chỉ có ý nghĩa to lớn xét về mặt nhân nghĩa mà còn có tầm ảnh hưởng tới toàn thống chính trị của

đất nước trong những thời đại sau này nữa. Lí tưởng nhân nghĩa ấy sẽ còn mãi trường tồn với dân tộc với đất nước Việt Nam cho đến tận bây giờ.

Phân tích tư tưởng nhân nghĩa trong Bình Ngô đại cáo Ngữ Văn lớp 10 mẫu 7

Năm 1407, giặc Minh xâm lăng nước ta. Năm 1417, tại núi rừng Lam Sơn, Thanh Hóa, Lê Lợi phát cờ khởi nghĩa xưng là Bình Định Vương. Trải qua mười năm kháng chiến vô cùng gian lao và anh dũng, nhân dân ta quét sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi. Mùa xuân năm 1482, thay lời Lê Lợi, Nguyễn Trãi thảo Bình Ngô đại cáo.

Bình Ngô đại cáo khẳng định sức mạnh nhân nghĩa, nhân dân Đại Việt căm thù lên án tội ác ghê tởm của quân “cuồng Minh”, ca ngợi những chiến công oanh liệt thuở “bình Ngô”, tuyên bố đất nước Đại Việt bước vào kỉ nguyên mới độc lập, thái bình bền vững muôn thuở.

Tuy ra đời gần sáu trăm năm, nhưng cho đến nay và muôn đời sau nữa, Bình Ngô đại cáo và những tác phẩm khác của Nguyễn Trãi mãi mãi đi sâu vào lòng người. Tư tưởng “nhân nghĩa” trong thơ văn Nguyễn Trãi thâm sâu, ngay khi mở đầu Bình Ngô đại cáo, ông viết:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo”.

Việc nhân nghĩa là gì? Nho giáo cho rằng: Nhân nghĩa là quan hệ tốt đẹp giữa người với người trong cộng đồng. Khái niệm này mang nội hàm rất đẹp, rất tiến bộ và cao cả. Nguyễn Trãi đã khẳng định: Điều chủ yếu của nhân nghĩa là giữ “yên dân”. Vì thương yêu dân, muốn cho dân được yên ổn làm ăn nên phải “trừ bạo” là trừ những kẻ sách nhiễu dân.

Từ quan hệ ứng xử mang tính cá nhân, Nguyễn Trãi đã nâng lên thành lí tưởng xã hội, một nhiệm vụ cụ thể, nói theo Đinh Gia Khánh thì “tư tưởng này không mơ hồ, nó gắn chặt với chủ nghĩa yêu nước”. Chính vì “nhân nghĩa”, vì thương dân nên Nguyễn Trãi xem những hành động man rợ của quân Minh hành hạ nhân dân ta như đốt lửa thiêu sống, đào hố để chôn sống dân lành vô tội là những việc phi nhân nghĩa, là bạo ngược, do đó chúng ta phải trừng phạt. Như vậy có nghĩa là “việc nhân nghĩa”, hành động nhân nghĩa không phải một cái gì đó trừu tượng, chung chung, mà nó biểu hiện bằng “việc” cụ thể là chống quân xâm lược để giữ yên bờ cõi, tiêu diệt các nguồn phản động chống triều đình để xây dựng xã hội “vua sáng, tôi hiền”. Việc ấy phải được giao phó cho quân đội. Nguyễn Trãi không mơ hồ về sự nghiệp giải phóng dân tộc có thể dùng đường lối thỏa hiệp mềm yếu

để chấm dứt can qua, hòa bình muôn thưở, mà phải có sức mạnh của quân sự và sức mạnh của “đại nghĩa”:

“Đem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”.

Lấy nghĩa để thắng hung, lấy nhân thay bạo. Ở đây trong sự đổi đầu lịch sử của cuộc kháng Minh này, kẻ thù là hung tàn và cường bạo:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.

Tội án “trời không dung, đất không tha” ấy của giặc Minh:

“Trúc Nam Sơn không ghi hết tội

Nước Đông Hải không rửa sạch mùi”.

Tội ác ấy phải trừng phạt: “Quân điều phạt trước lo trừ bạo”. Quân ở đây là nhân dân: tập hợp thành đội quân “đại nghĩa - chí nhân” để chống lại quân cường bạo giặc Minh. Vậy là, triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi xét đến cùng là lòng yêu nước thương dân. Đó chính là chủ nghĩa yêu nước. Nó làm nền cho bản hùng ca bất hủ “Cáo bình Ngô”, nó là ánh sáng kì diệu để Nguyễn Trãi nêu lên một quan điểm về quyền dân tộc, và do đó ông đã định nghĩa về đất nước khá rõ ràng, hoàn chỉnh, khoa học trong lời mở đầu bài cáo trang trọng, thật đỉnh đặc và tự hào.

“Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu

Núi sông bờ cõi đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

Trải qua bao biến động của lịch sử, Nguyễn Trãi lặp lại quyền vương để đầy tinh thần độc lập tự chủ ấy. Nước Đại Việt có cương vực, có lịch sử, có phong tục và nền văn hiến, nghĩa là có nhân nghĩa. Nó không cần và không thể phụ thuộc để tồn

tại. Mọi mưu toan muốn biến nó thành quận huyện, thành chư hầu phải chi thăm họa. Lịch sử đâu đã quên:

“Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã”.

Thế mà nay bọn giặc Minh “mượn tiếng điếu dân phạt tội, kì thực làm việc tàn bạo, lấn cướp đất nước ta, bóc lột nhân dân ta, thế nặng hình phiền, vor vét của quý, dân mọn xóm làng không được yên ổn”. Nhân nghĩa mà lại thế Lí? Thế đứng của một dân tộc trong nhân nghĩa bằng mọi giá cho quân thù nếm cay đắng mà cha ông chúng ta phải trả giá cho sự tàn bạo “lỗi đạo”, ngạo mạn, xác xược...

Sức mạnh nhân nghĩa của nhân dân ta “lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều” đã làm nên chiến thắng.

“Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu.

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh bại trận tử vong.

Ngày hăm tám, thượng thư Lí Khánh cùng kẻ tỵ vẫn”.

Những trang nhật kí chiến sự thể hiện một cuộc tấn công đại quy mô mạnh mẽ, hào hùng. Chiến thắng càng gần, thế trận càng trở nên biến hóa kẻ thù chưa kịp trở tay đối phó thì đã lại:

“Đánh một trận, sạch không kình ngạc

Đánh hai trận, tan tác chim muông”.

Miêu tả cuộc tổng tiến công đại phá quân thù, có lẽ trong lịch sử văn học Việt Nam chưa bao giờ có những trang hào hùng sáng chói như thế. Đội quân làm nên chiến thắng ấy, chính là đội quân đã xác định “vì nhân nghĩa mà chiến đấu, vì an dân mà trừ bạo”.

Nhân nghĩa là sức mạnh để chiến thắng. “Chí nhân, đại nghĩa” là nền tảng của chủ nghĩa nhân đạo mà dân tộc ta bao đời đeo đuổi để tạo dựng nền văn hiến mang bản

chất truyền thống của con người Việt Nam. Ở đây, Nguyễn Trãi đã nêu cao chủ nghĩa nhân đạo ấy, gắn nó với nhân nghĩa là chủ nghĩa yêu nước.

Coi trọng con người, quý trọng nhân dân, coi trọng tình hòa hiếu giữa các dân tộc nên chúng ta đã đặt nhân nghĩa lên trên tất cả. Có gì quý hơn sinh mạng con người? “Người, ta là hoa của đất” do đó nhân nghĩa sau chiến tranh là tấm lòng, là trí tuệ để giải quyết những hậu quả, cho “bốn phương biển cả thanh bình”... đối với quân giặc đã bị “cầm tù như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng”, chúng ta đã “chẳng giết hại” mà cho chúng “đường hiếu sinh”. Chúng ta có cái thế để “xử tội ác chiến tranh, có đủ sức để trừng phạt, nhưng nhân nghĩa không cho phép chúng ta làm điều đó khi bọn giặc đã tham sông sợ chết mà hòa hiếu thực lòng”. Chúng ta tha tội cho chúng để chấm dứt can qua trong tương lai, để được “an dân” không phải chỉ ngày một ngày hai mà mãi mãi dân ta được “nghỉ sức” trong thanh bình:

“Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới”.

Nghĩa là triết lí nhân nghĩa, hành động nhân nghĩa của chúng ta đã toàn thắng. Ta đã đạt mục đích, không cần phải xử sự như những kẻ cuồng sát không nhân nghĩa.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện ngay cả khi cổ vũ nhân dân ta tiêu diệt giặc, nhưng lại rất thông cảm với nhân dân và binh sĩ Trung Quốc bị tàn hại bởi chiến tranh. Nguyễn Trãi từng vạch tội tướng giặc với nhân dân Trung Quốc: chúng lại muốn cùng binh độc vũ, khiến nhân dân vô tội liên năm phải thiệt mạng ở chốn gươm đao, những kẻ lưu li phải nát gan ở nơi chốn đồng cỏ” (Bài 28 - Quân Trung từ mệnh tập).

Bình Ngô đại cáo xét về mặt tư tưởng là tác phẩm nổi bật về chủ nghĩa nhân đạo, chứng minh hùng hồn cho cuộc chiến thắng của nhân dân ta chống giặc Minh. Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi tiềm ẩn như mỏ quặng quý mà ta phải khai thác đào sâu, nhưng nổi lên bề mặt lộ thiên của nó chính là chủ nghĩa yêu nước, là tình cảm thương dân. Vì yêu nước thương dân mà Nguyễn Trãi có tư tưởng tiến bộ về bản chất và mục đích của đội quân nhân nghĩa, về Tổ quốc và ước vọng “bốn phương biển cả thanh bình”. Vì yêu thương nhân dân trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi tố cáo tội ác quân Minh đánh thếp như thế, miêu tả những trang hào hùng của quân dân ta trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Bình Ngô đại cáo trở thành một tác phẩm còn lại mãi với thời gian.

Đã sáu trăm năm trôi qua, Nguyễn Trãi - người anh hùng dân tộc và là nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng chính trị, thực sự sống mãi trong lòng dân tộc khi các thế hệ con cháu mang tư tưởng nhân nghĩa của Người đã làm nên bao kì tích, bao chiến thắng

lấy lòng, như trong chiến tranh chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng nhân nghĩa ấy mà đối xử nhân đạo với những phi công Mỹ nguy. Họ đã đem bom đạn đến giết hại nhân dân ta trên mọi miền đất nước, tàn phá đất nước ta, gây bao đau thương tang tóc cho nhân dân ta. Vậy mà khi bắt sống những kẻ ấy, ta vẫn đối xử nhân đạo và sau ngày toàn thắng 30 - 4 - 1975 trao trả lại cho Mỹ. Phải chăng đó là được nguồn từ tư tưởng Nguyễn Trãi.

“Dem đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”.

Bình Ngô đại cáo vừa là một bản tổng kết cuộc kháng chiến mười năm chống giặc Minh vừa là lời tuyên ngôn độc lập, hòa bình. Đồng thời là áng “thiên cổ hùng văn" khẳng định sức mạnh nhân nghĩa Đại Việt.